

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HC-ST
Ngày 30/8/2017
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quang

Ông Nguyễn Phi Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 72/2016/TLST-HC ngày 08/12/2016 khởi kiện: “*Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 22/9/2015*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-HC ngày 21/6/2017, Thông báo mở lại phiên tòa số 280/2017/TB-TA ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 7, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quang N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 01, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: Số 02, đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Thành T - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

(Ông N, ông T có mặt; bà H vắng mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 22/9/2015 Ủy ban nhân dân huyện C (viết tắt UBND huyện C) ban hành Quyết định số 771/QĐ-UBND thu hồi 1.717,3m² đất của bà Nguyễn Thị H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Trạm cung cấp nước huyện C.

Ngày 22/9/2015 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 773/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 773) phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước khi hồi đất đối với bà H với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 521.094.308đồng, trong đó:

1. Bồi thường về đất, hoa màu, vật kiến trúc: 385.756.808 đồng;
 - a. Bồi thường về đất (diện tích 922.5 m²): 278.595.000 đồng;
 - b. Bồi thường về hoa màu: 58.298.700 đồng;
 - c. Bồi thường về vật kiến trúc: 48.863.108 đồng;
 - d. Diện tích không được bồi thường: 794,8 m²;
2. Các khoản hỗ trợ: 135.337.500 đồng.

Bà H không đồng ý Quyết định số 773 và khiếu nại các nội dung sau:

- Khiếu nại phần diện tích đất không được bồi thường 794,8m² vì theo bà H diện tích 794,8m² đất nông nghiệp bà H sử dụng từ năm 1996 đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên đủ điều kiện được bồi thường theo Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

- Bà H yêu cầu được bồi thường 30m² đất ở, vì bà H cho rằng trên đất bị thu hồi có 01 căn nhà tạm 30m² xây dựng năm 2000 đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó đất của bà H đủ điều kiện bồi thường theo Điều 75, Điều 79 Luật đất đai năm 2013; đồng thời phải được hỗ trợ tái định cư.

- Khiếu nại việc bồi thường cây Sâm đất vì theo bà việc áp giá cây Sâm đất tương đương giá cây thiên lý (30.000 đồng/m²) là không đúng quy định mà phải áp giá thị trường là 1.000.000 đồng/kg.

Ngày 28/6/2016 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 621/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 621) giải quyết khiếu nại của bà H với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 773 của Chủ tịch UBND huyện C.

Ngày 03/8/2016 UBND huyện C ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung về hoa màu cho bà H số tiền là 64.800.000 đồng (1200m² cây Sâm đất × 90.000 đồng/m²).

Không đồng ý, bà H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 773 và Quyết định số 621.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu bồi thường 794,8m² đất nông nghiệp và 30m² đất ở; cụ thể yêu cầu hủy Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C, sửa Điều 1 Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C để bồi thường cho bà H 8m² đất ở; hỗ trợ tái định cư cho bà H và bồi thường cây trồng bị thiệt hại là cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch. Vì các lý do sau:

- Diện tích 8m² đất ở nằm trong 922,5m² đất đã được bồi thường và bà H sử dụng từ năm 1996 để ở, nên đủ điều kiện để được cấp giấy CNQSD đất theo Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014 của Chính phủ thì 8m² bà H sử dụng để ở, nên được công nhận là đất ở theo mục đích, hiện trạng sử dụng đất.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư: Do nhà nước thu hồi 8m² đất ở nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013 trường hợp bà H đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà H rút yêu cầu bồi thường 1200m² cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch.

Thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bồi thường từ 8m² đất ở thành 300m² đất ở nằm trong diện tích 922,5 m² đất đã được bồi thường.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư: Do nhà nước thu hồi đất có 300m² đất ở nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013, trường hợp bà H đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện trình bày:

Về trình tự ban hành Quyết định số 621 và Quyết định số 773 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại, Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung khởi kiện của bà H:

- Diện tích 300m² bà H yêu cầu bồi thường đất ở là nằm trong diện tích 922,5m² đất nông nghiệp đã được bồi thường, nên UBND huyện không bồi thường cho bà H 300m² là đất ở. Tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 14/9/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C thể hiện trên đất có 01 chòi tạm diện tích 8m² mái tôn, vách tôn không dùng để ở.

- Đối với yêu cầu được hỗ trợ tái định cư: Do bà H xây dựng trái phép trên đất Nhà nước và đã bị lập biên bản yêu cầu bà H tháo dỡ toàn bộ nhà xây năm 2012, nên trường hợp của bà H không đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư.

- Đối với yêu cầu người khởi kiện đã rút, đề nghị Tòa chấp chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà H về yêu cầu bồi thường 300m² đất ở và hỗ trợ tái định cư cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng, tuy nhiên thời hạn xét xử vụ án không đúng điều 130, 131 Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc cử Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C, vì Chủ tịch huyện chết chưa có người thay chức vụ Chủ tịch UBND huyện C.

Về nội dung: Căn cứ Thông tư số 28/2014 ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường qui định đất ở là đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ cho đời sống; đã được công nhận là đất ở. Các tài liệu chứng cứ theo biên bản kiểm tra ngày 14/9/2009 bà H chỉ có căn chòi tạm 08m², không có chứng cứ nào khác chứng minh có sử dụng đất ở, nên Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu công nhận 300m² đất ở cho bà H, do bà H không được công nhận đất ở, nên không đủ điều kiện được tái định cư.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 143 đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của bà H. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 bác yêu cầu của bà H đề nghị hủy một phần QĐ 773 và 621; bác yêu cầu bồi thường 300m² đất ở và hỗ trợ tái định cư cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Chủ tịch UBND huyện C chết nhưng các văn bản do Chủ tịch UBND huyện C ban hành trong quá trình thực hiện chức năng quản lý hành chính là đại diện cho Nhà nước, chứ không phải cho cá nhân ông Chủ tịch huyện, do đó các văn bản vẫn có giá trị pháp lý. Tại phiên tòa vắng mặt người khởi kiện nhưng có người đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa, người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa, các đương sự được triệu tập hợp lệ 03 lần tham gia phiên tòa, theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện C (gọi là Quyết định số 773) và Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C (gọi là Quyết định số 621) về quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/11/2016 bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số 621 và Quyết định số 773 còn thời hiệu khởi kiện theo quy định khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về hình thức và thủ tục: Quyết định số 773 và Quyết định số 621 ban hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Luật đất đai, Luật khiếu nại.

[5] Về nội dung:

[5.1] Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu hủy Quyết định số 621 sửa một phần Quyết định số 773 theo hướng bồi thường cho bà H 794,8m² đất nông nghiệp, bồi thường 30m² đất ở và hỗ trợ tái định cư; bồi thường 1200m² cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch. Tại phiên đối thoại ngày 11/01/2017 Người đại diện theo ủy quyền của bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 621 và sửa Điều 1 Quyết định số 773 để bồi thường cho bà H diện tích 8m² đất ở hỗ trợ tái định cư cho bà H và bồi thường cây trồng bị thiệt hại là cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của bà H rút yêu cầu bồi thường 1200m² cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch.

Thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bồi thường 300m² đất ở nằm trong diện tích 922,5 m² đất đã được bồi thường; do nhà nước thu hồi 300m² đất ở nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013, trường hợp bà H đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư.

Tại Giấy ủy quyền được chứng thực ngày 28/10/2016 thì Người đại diện theo ủy quyền của bà H có toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong vụ kiện, do đó việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là có cơ sở, căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ yêu cầu bồi thường 794,8m² đất nông nghiệp và cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch.

Thay đổi nội dung yêu cầu bổ sung từ 08m² đất ở lên yêu cầu bồi thường 300m² đất ở vẫn thuộc phạm vi khởi kiện vì đất ở nằm trong diện tích 922,5m² đất nông nghiệp, chỉ yêu cầu về loại đất bồi thường mà Tòa án đã thụ lý giải quyết.

Các nội dung khởi kiện còn lại Hội đồng xét xử xem xét cụ thể như sau:

[5.2] Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường 300m² đất ở như sau:

Đất bà H có căn chòi tạm 08m² theo trình bày của bà H làm vào năm 1996. Tại Phiếu lấy ý kiến khu Dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 20/8/2008 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/07/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xác định “ Cá nhân tự xây cất chuồng heo sử dụng năm 1996” như vậy đất không dùng làm nhà ở.

Năm 2011 căn chòi tạm của bà H đã không còn tồn tại vì bà H đã phá dỡ chòi tạm 08m² để xây dựng nhà diện tích khoảng 30m², nhà xây không có giấy phép xây dựng, đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản ghi nhận hiện trạng công trình trên đất ngày 23/3/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu bà H tháo dỡ toàn bộ nhà xây trên đất trái phép. Bà H đã ký Biên bản, không có ý kiến gì.

Diện tích 922,5m² đất bà H sử dụng vào mục đích nông nghiệp, canh tác trồng trọt, chăn nuôi, không phải đất ở. Điều này được xác định cụ thể qua các tài liệu sau đây:

- Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) của bà H đề ngày 26/02/2009 (bản viết tay) và Đơn xin cấp GCNQSD đất của bà H (theo mẫu số 04a/ĐK) đề ngày 26/02/2009. Bà H ghi rõ mục đích sử dụng đất để chăn nuôi.

- Đơn tường trình về việc sử dụng đất đề ngày 06/5/2009 của bà H. Đơn khiếu nại về việc cấp GCNQSD đất đề ngày 31/8/2009 của bà H.

- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) đối với thửa 1/2 tờ bản đồ số 29, diện tích 922,5m² đề ngày 15/4/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (có chữ ký xác nhận của bà H).

- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 25/3/2010 của UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà H tại số 7, huyện C (lần đầu). Quá trình khiếu nại bà H cũng chỉ khiếu nại và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất 922,5m², hoàn toàn không có yêu cầu công nhận đất ở.

Chòi tạm 08m² do bà H dựng tạm trên đất nông nghiệp nhằm mục đích phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, không phải nhà ở được chính bà H xác định tại các giấy tờ trên và do đó không có căn cứ 08 m² đất dùng để ở.

Tại thời điểm đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/4/2009, ghi nhận hiện trạng tại thời điểm kiểm tra thực địa: Trên đất có 28 cây tràm bông vàng đường kính từ 20 - 30cm, còn lại là cây rừng của Nhà nước. Tại Biên bản ngày 15/4/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ghi nhận không có chòi tạm diện tích 08m², có chữ ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất của bà H theo Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) đối với thửa 1/2 tờ bản đồ số 29, diện tích 922,5m².

Sau khoảng 05 tháng, đến ngày 14/9/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất phối hợp cùng Ban điều hành số 7 xác minh đơn khiếu nại về việc cấp GCNQSD đất của bà H (theo Biên bản làm việc ngày 14/9/2009), kết quả kiểm tra thực tế hiện trạng sử dụng đất của hộ bà H ghi nhận có chòi tạm diện tích 08m² mái tôn, vách tôn.

Về điều kiện cấp GCNQSD đất theo khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, quy định các điều kiện sau:

Đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai. Được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô

thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch.

Trường hợp sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H không đáp ứng các điều kiện về đất ở như phân tích trên, đất không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, do đó không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; do đó không đủ điều kiện áp dụng bồi thường đất ở theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 như bà H yêu cầu.

[5.3] Bà H yêu cầu hỗ trợ tái định cư là hoàn toàn không có cơ sở, bởi vì không có căn cứ công nhận diện tích 300m² đất ở, do đó cũng không đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư theo điểm c, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

[5.4] Năm 2010, bà H được UBND huyện C công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 246,5m² đất nông nghiệp được quy hoạch là đất ở (theo Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 25/3/2010 của UBND huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H - số 7, huyện C lần đầu).

[5.5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của bà H; áp dụng Điểm a khoản 2 Điều 193 bác yêu cầu của bà H hủy một phần Quyết định 773, hủy Quyết định 621; bác yêu cầu bồi thường 300m² đất ở, hỗ trợ tái định cư cho bà H là có căn cứ nên chấp nhận.

[5.6] Áp phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 và khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 75, khoản 1 và 2 Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường cho bà H 794,8m² đất nông nghiệp tại số 7, huyện C. Đình chỉ yêu cầu bồi thường 1200m² cây Sâm đất theo giá trị sản lượng vụ thu hoạch.

2. Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị H với yêu cầu hủy Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C; không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Điều 1 Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C để bồi thường cho bà Nguyễn Thị H diện tích 300m² đất ở và hỗ trợ tái định cư cho bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002207 ngày 08/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bà Nguyễn Thị H đã nộp xong.

4. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tố tụng hành chính.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa Phúc Thẩm-Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên)

Đào Đức Thiện

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

Đào Đức Thiện

